TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DSST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
V/V: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi

2. Bà Thân Thị Lụa

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1986, địa chỉ: thôn D, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

* *Người làm chứng:* Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1978, nơi ĐKHKTT: Đội 8, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: tiểu khu 3, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2022, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Nhg trình bày: Chị Nguyễn Văn H và mẹ chị là bà Ong Thị H có mối quan hệ bạn bè, thỉnh thoảng ông Hcó đến nhà mẹ chị ăn cơm, qua mẹ chị thì chị biết được ông H.

Nhiều lần ông H đến nhà mẹ chị chơi có nói chuyện về việc ông H muốn bán một phần đất ông H đang ở để trang trải cuộc sống, tổng diện tích đất ông H đang ở khoảng

460m2, diện tích đất của ông H ở thôn Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, ông H bảo bán khoảng 90m2.

Thời điểm ông H nói bán đất khi đó chị vừa giải quyết ly hôn và chia tài sản xong được khoảng 670.000.000 đồng và chị cũng có nhu cầu mua đất để ở. Chị đã đặt vấn đề mua đất của ông H với diện tích 90m2 với giá là 950.000.000 đồng. Sau khi thống nhất giữa chị và ông H có lập hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2022, chị đã trả cho ông H 410.000.000 đồng. Lý do chị đặt cọc số tiền lớn vì ông Hiếu có nói với chị là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp vay Ngân hàng nông nghiệp huyện Yên Dũng còn nợ Ngân hàng khoảng 60.000.000 đồng, và ông H cần tiền để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn thực hiện hợp đồng là một tháng, nhưng hết một tháng ông H chưa làm xong thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm hợp đồng chuyển nhượng cho chị, vì vậy giữa chị và ông H có lập lại hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2022, thời hạn đặt cọc là 210 ngày kể từ ngày 25/02/2022 đến ngày 25/9/2022. Chị ký ra hạn dài như vậy để ông H có thời gian làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian thực hiện hợp đồng đặt cọc chị có hỏi ông H nhiều lần đã làm xong thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thì ông Hiếu đều trả lời chưa xong, hết thời hạn đặt cọc, chị có gọi điện thoại nhiều cho ông H nhưng ông không nghe điện thoại, chị có xuống nhà hỏi thì không gặp được ông H, ông Hiếu đi đâu chị không biết, điện thoại đổ chuông nhưng ông Hiếu không nghe máy. Số tiền chị đặt cọc mua đất của ông H là tiền của cá nhân chị, như chị đã trình bày giữa chị và anh Ong Thế Th là chồng cũ của chị đã giải quyết ly hôn năm 2020, chị và anh Th chia tài sản và chị được số tiền như chị đã trình bày. Ông H bỏ vợ lâu rồi, chị thấy ông H sống một mình với mẹ già khoảng hơn 80 tuổi, chị là người trực tiếp đưa tiền cho ông H và ông H là người trực tiếp nhận tiền của chị, do vậy chị chỉ yêu cầu ông H phải trả tiền cho chị.

Nay chị yêu cầu ông H phải trả chị số tiền đặt cọc là 410.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 410.000.000 đồng, lý do chị yêu cầu phạt cọc vì ông H đã vi phạm hợp đồng đặt cọc giữa chị và ông H đã ký ngày 25/02/2022. Tổng số tiền chị yêu cầu ông H phải trả chị là 820.000.000 đồng.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị Nh trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu đã trình bày, ông H hiện đang đi làm tại tỉnh Hải Dương, ngày tết ông công 23/12/2022 ông H có về nhà, mặc dù ông H không nghe điện thoại của chị nhưng qua bạn của ông H chị được biết, ông H đang làm ăn tại tỉnh Hải Dương, ông H cố tình không gặp chị.

- Tòa án đã tiến hành giao và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Văn H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

*** Tài liệu Tòa án thu thập được:**

- Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2022, ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng Công an thị trấn Nham Biền cung cấp: Sau khi kiểm tra dữ liệu quản lý dân cư quốc gia, xác định: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, có hộ khẩu thường trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay ông H không có mặt tại địa phương, ông H đi đâu, Công an thị trấn Nham Biền không nắm được, không có thông tin về việc ông H cắt, chuyển khẩu đi nơi khác. Ông H vẫn có hộ khẩu tại địa chỉ trên.

- Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2022, ông Hoàng Văn Nh - tổ phó tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Ông H đã ly hôn vợ khoảng 10 năm nay, ông H đang sống với mẹ đẻ và con trai, nghe nói ông H đang đi làm ăn ở Lào Cai, hay Cao Bằng gì đó, đi làm cách đây 02 tháng chưa thấy về địa phương, khi đi làm ăn xa cũng không thông báo gì cho địa phương biết.

- Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2022, bà Nguyễn Thị H là chị gái của ông Nguyễn Văn H cung cấp: Bà ở cùng thôn với ông H, ông H đi làm ăn xa khoảng 2 đến 3 tháng nay không về nhà, cũng không liên lạc gì về gia đình, việc ông H bán đất cho chị Nh và nhận tiền đặt cọc như thế nào bà không biết, cũng không nghe thấy ông H nói chuyện gì.

- Tại biên bản làm việc ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1978, nơi ĐKHKTT: Đội 8, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: tiểu khu 3, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là người làm chứng trình bày: Ông thuê nhà và kinh doanh tại địa chỉ tiểu khu 3, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang từ đầu năm 2022. Ông và chị Hoàng Thị Nh có mối quan hệ bạn bè, quen biết trong làm ăn, còn ông Nguyễn Văn H ông biết qua chị Nh vì ông Hcó mối quan hệ với mẹ chị Nh.

Việc chị Nh mua đất của ông H ông đều chứng kiến, cụ thể: Ngày 25/02/2022, chị Nh và ông H có viết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi ký hợp đồng đặt cọc chị Nh có đưa cho ông Hiếu số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là một tháng đến 25/3/2022, ông H phải làm xong thủ tục sang tên cho chị Nh. Trước khi đặt cọc lần thứ nhất, ông H đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông có xem và biết được diện tích đất của ông H là 420m2, ông H chuyển nhượng cho chị Nhung 90m2. Hết một tháng ông H chưa làm xong thủ tục sang tên cho chị Nh, ông H có yêu cầu chị Nh gia hạn hợp đồng, và bảo chị Nh ứng thêm tiền đặt

cọc để ông H làm giấy tờ, chị Nh có đưa cho ông H 60.000.000 đồng. Hợp đồng được gia hạn đến 25/8/2022 nhưng đến ngày 11/6/2022, ông H có bảo chị Nh đặt cọc tiếp 100.000.000 đồng. Hết thời hạn hợp đồng là ngày 25/8/2022, ông H vẫn chưa làm xong thủ tục tách đất để sang tên cho chị Nh, ông H lại yêu cầu chị Nh gia hạn hợp đồng thêm một tháng đến 25/9/2022. Mỗi lần ông H ứng tiền đặt cọc thì giữa ông H và chị Nh đều viết giấy biên nhận giao tiền.

Hết thời hạn gia hạn thực hiện hợp đồng là ngày 25/8/2022, ông H có bảo chị Nh gia hạn cho ông Hu một tháng nữa và ông H có bảo chị Nh viết lại hợp đồng đặt cọc ngày 25/2/2022 với thời hạn thực hiện hợp đồng là 210 ngày, thời hạn thực hiện cuối cùng là ngày 25/9/2022, số tiền đặt cọc là 410.000.000 đồng, hợp đồng là do chị Nh viết, ông H, chị Nh cùng ký vào hợp đồng đặt cọc, tôi ký là người làm chứng.

Khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng, chị Nh có bảo với ông, ông và chị Nh có xuống nhà ông H nhưng không gặp ông H, chị Nh điện thoại cho ông H nhưng ông H không nghe điện thoại, chị Nh có gọi điện thoại cho con gái ông H nhưng con gái ông H có bảo chị Nh là chị muốn làm gì thì làm.

Ông có gọi điện thoại cho ông H một lần trước khi chị Nh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, ông H bảo với ông là chị Nh cứ đến xây nhà trên đất mà ông H đã bán cho chị Nh, sau đó thì ông không liên lạc được với ông H.

Tại phiên tòa ông D có mặt và trình bày: Ông giữ nguyên ý kiến đã làm việc với Tòa án, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Tại biên bản xác minh với UBND thị trấn Nham Biền, ông Lê Văn Th - cán bộ công chức địa chính cung cấp: Thửa đất 359, tờ bản đồ số 49, diện tích 478,3 m2, địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được cấp đổi năm 2007, theo bản đồ địa chính chính quy của thị trấn đo đạc năm 2006, thửa đất này năm 2000 cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Th, diện tích 452m2, tờ bản đồ trích đo. Thửa đất trên từ năm 2022 đến nay UBND thị trấn Nham Biền không nhận được đơn xin tách thửa của ông Hiếu và cũng không lập hợp đồng chuyển nhượng hay tặng cho cá nhân nào, thửa đất hiện tại vẫn đứng tên người sử dụng theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông H, bà Th.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng ông H vắng mặt.

+ Ngày 16/02/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Hoàng Thị Nh số tiền đặt cọc 410.000.000 đồng và tiền phạt cọc 410.000.000 đồng, tổng số tiền ông Hphải trả cho bà Nh là 820.000.000 đồng.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí DSST, hoàn trả bà Hoàng Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo như đơn khởi kiện và xác minh tại địa phương thì ông Nguyễn Văn H có địa chỉ tại tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình dấu địa chỉ và tiến hành thụ lý,

giải quyết theo thủ tục chung...". Ông H, hiện không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho bà Nh biết là cố tình dấu địa chỉ. Tòa án huyện Yên Dũng đã niêm yết toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Bà Hoàng Thị Nh và ông Nguyễn Văn H có ký hợp đồng đặt cọc ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung hợp đồng thể hiện bà Nh đặt cọc cho ông H số tiền 410.000.000 đồng. Thời gian đặt cọc là 210 ngày, kể từ ngày 25/02/2022 đến ngày 25/9/2022 hai bên sẽ đến tổ chức công chứng để lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi hết hạn hợp đồng bà Nh yêu cầu ông Hiếu thực hiện hợp đồng nhưng ông H không thực hiên. Quan hệ tranh chấp giữa bà Hoàng Thị Nh và ông Nguyễn Văn H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với nhau, các bên không giải quyết được tranh chấp, bà Hoàng Thị Nh làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị Nh buộc ông Nguyễn Văn H phải trả tiền 410.000.000 đặt cọc mua bán đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2022 thì thấy: Giữa bà Hoàng Thị Nh và ông Nguyễn Văn H có ký hợp đồng đặt cọc ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích đất ông Hiếu bán cho bà Nh là 90m2 đất tại thôn Đ, xã Nh(nay là tổ dân phố Đ, thị trấn Nh), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với giá 950.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện: từ ngày 25/02/2022 đến ngày 25/9/2022 hai bên sẽ đến tổ chức công chứng để lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Nh nhiều lần liên hệ hỏi ông H về việc làm xong thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đều trả lời chưa xong, khi hết thời hạn đặt cọc, bà Nh đã điện

thoại cho ông H nhiều lần nhưng ông H không nghe điện thoại, ông H đi làm ăn xa cũng không thông báo gì cho bà Nh được biết.

Theo Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2022, bà Nh và ông H có thỏa thuận về thời hạn đặt cọc như sau: "Thời hạn đặt cọc 210 ngày kể từ ngày 25/02 đến ngày 25/9/2022. Bên B nhận đủ tiền cọc sẽ cùng với bên A, hai bên sẽ đến tổ chức công chứng để lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.". Nay bà Nh yêu cầu ông H phải trả số tiền đặt cọc là 410.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự, do vậy yêu cầu của bà Nh được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.]. Đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị Nh buộc ông Nguyễn Văn H phải trả tiền 410.000.000 tiền phạt cọc mua bán đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2023 thì thấy: Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi nhận tiền đặt cọc của chị Nh, ông H không đi làm thủ tục tách đất và làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nh. Xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nham Biền thể hiện việc từ năm 2022 đến nay Ủy ban nhân dân thị trấn Nham Biền không nhận được đơn xin tách đất cũng như lập hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất hiện ông H đang quản lý sử dụng.

Tại Điều 6 của hợp đồng đặt cọc có quy định như sau: "...Sau khi hợp đồng được ký kết, quá thời hạn thỏa thuận trên nếu bên B không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc trên cho bên A, thì bên B phải bồi thường gấp hai lần số tiền mà bên A đã đặt cọc cho bên B. Số tiền hoàn toàn phải bồi thường bồi thường là 820.000.000 đồng...".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự có quy định như sau: "...nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Việc ông H không thực hiện hợp đồng, bà Nh yêu cầu phạt hợp đồng 100% là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự, do vậy yêu cầu của bà Nhung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của bà Nh được chấp nhận, do vậy ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 328 Bộ luật dân sự.

2. Xử:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Hoàng Thị Nh số tiền 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng), trong đó 410.000.000 đồng là tiền đặt cọc và 410.000.000 đồng là tiền phạt cọc, theo hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2022.

2.2. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Án phí:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) án phí DSST

- Hoàn trả bà Hoàng Thị Nh số tiền 18.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009733 ngày 21/10/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện Yên Dũng
- CCTHADS huyện Yên Dũng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Ngọ Thị Thanh Hảo